

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2917 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 28 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Kè chống xói lở bảo vệ bờ biển đảo Phú Quý - Các hạng mục điều
chỉnh, bổ sung tại xã Tam Thanh và xã Ngũ Phụng, huyện Phú Quý,
tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường
chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019
của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn
thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan
trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác
động môi trường của Dự án Kè chống xói lở bảo vệ bờ biển đảo Phú Quý –
Các hạng mục điều chỉnh, bổ sung tại xã Tam Thanh và xã Ngũ Phụng, huyện
Phú Quý, tỉnh Bình Thuận họp ngày 06 tháng 8 năm 2021 tại Sở Tài nguyên
và Môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Kè
chống xói lở bảo vệ bờ biển đảo Phú Quý – Các hạng mục điều chỉnh, bổ
sung tại xã Tam Thanh và xã Ngũ Phụng, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận đã
được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo nội dung giải trình tại Công văn số*

111/BQLDA-ĐTXD ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Quý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 409/TTr-STNMT ngày 19 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Kè chống xói lở bảo vệ bờ biển đảo Phú Quý – Các hạng mục điều chỉnh, bổ sung (sau đây gọi là Dự án) của Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tam Thanh và xã Ngũ Phụng, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Phan Văn Đăng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Phú Quý;
- UBND các xã: Tam Thanh, Ngũ Phụng;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Văn Đăng

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số: 2917 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Kè chống xói lở bảo vệ bờ biển đảo Phú Quý – Các hạng mục điều chỉnh, bổ sung.
- Chủ dự án: Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý.
- Đơn vị quản lý thực hiện dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Quý.
- Địa chỉ liên hệ: Số 237, đường Hùng Vương, thôn Quý Thạnh, xã Ngũ Phụng, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận.
- Điện thoại: 0252.3769959.
- Người đại diện: Ông Đỗ Văn Trung. Chức danh: Giám đốc.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Tam Thanh và xã Ngũ Phụng, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận.
- Mục tiêu dự án:
 - + Bảo vệ đất đai huyện đảo Phú Quý, góp phần giữ vững an ninh quốc phòng, chủ quyền Quốc gia đối với vùng lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế.
 - + Bảo vệ tính mạng, tài sản, các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện Phú Quý khi có triều cường và bão tới cấp 10.
 - + Tạo nơi neo đậu ổn định thuận lợi cho tàu thuyền của ngư dân đảo Phú Quý.
 - + Bảo vệ môi trường sinh thái, tạo cảnh quan, giao thông thuận lợi cũng như tạo nơi vui chơi giải trí cho nhân dân.
- Quy mô dự án:
 - + Phần hiện hữu: Các tuyến kè bảo vệ bờ có tổng chiều dài 2.532,99 m, bao gồm đoạn kè lạch Ông Bền, thôn Triều Dương dài 294,09 m, đoạn kè khu dân cư Hội An dài 397,53 m, đoạn kè chùa Thạnh Lâm đến Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý dài 891,37 m, đoạn kè tiếp giáp kè Bãi Lãng đến chùa Thạnh Lâm dài 980 m; 02 tuyến đê khu neo đậu tàu thuyền có tổng chiều dài 1.097,7 m, bao gồm tuyến đê Tây dài 148,9 m và tuyến đê Đông dài 948,8 m thuộc khu vực bảo vệ bờ đoạn Đồn Biên phòng 464 (cũ).
 - + Phần bổ sung: Tuyến kè bảo vệ bờ phía trong cửa vào của tuyến đê Đông và đê Tây dài 294 m; Nạo vét khu neo đậu tàu thuyền với tổng diện tích

phần nạo vét khoảng 13,49 ha/15,68 ha (giữ lại 02 bãi đá tự nhiên phía Đông bìa ghi tên liệt sĩ và phía Tây trạm tìm kiếm cứu nạn), với khối lượng đất đá nạo vét khoảng 182.265,68 m³; Lắp đặt cống thông thủy tại K0+878 m trên tuyến đê Đông, quy mô công hộp 03 khoang, $n \times B \times H = 3 \times (2,0 \times 2,0)$.

- Phạm vi, các công trình chính của dự án:

+ Phần hiện hữu: Kè bảo vệ bờ (đường sau kè, đỉnh kè, mái kè, chân kè, khóa kè, công trình trên kè); Đê khu neo đậu tàu thuyền (lỗi đê, mái đê, mặt đê, trụ báo hiệu đầu đê);

+ Phần bổ sung: Nạo vét khu neo đậu tàu thuyền (Tổng diện tích phần nạo vét là 13,49 ha/15,68 ha (Giữ lại 02 bãi đá tự nhiên phía Đông bìa ghi tên liệt sĩ và phía Tây trạm tìm kiếm cứu nạn), tổng khối lượng nạo vét khoảng 182.265,68 m³); kè bảo vệ bờ phía trong cửa vào của tuyến đê Đông và đê Tây dài 294 m (chân kè, mái kè, đỉnh kè, công trình trên kè); cống thông thủy tại K0+878 m trên tuyến đê Đông, quy mô công hộp 03 khoang, $n \times B \times H = 3 \times (2,0 \times 2,0)$ và các công trình phụ trợ khác: Bền tạm hiện hữu, bãi tạm thi công, 02 bãi tập kết chất nạo vét (tại Bãi Láng, thôn Tân Hải, xã Long Hải; khu vực kè xã Ngũ Phụng - đoạn từ Thánh thất Cao đài đến chùa Thanh Lâm).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Các tác động môi trường chính của dự án bao gồm tác động từ nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải,... phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng khoảng 1,8 m³/ngày đêm; thành phần chủ yếu là BOD₅, COD, Amoni, Nitrat; vi khuẩn; dầu mỡ động thực vật,...

- Nước thải phát sinh từ quá trình nạo vét trong giai đoạn thi công xây dựng khoảng 333 m³/ngày; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, vi sinh vật gây bệnh,...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng chủ yếu từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, vật chất nạo vét, thiết bị thi công nạo vét, xây dựng kè, cống thông thủy; thành phần chủ yếu là: Bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Trong giai đoạn thi công xây dựng, chất thải rắn phát sinh từ hoạt động nạo vét khoảng 20 kg/tháng, chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công kè khoảng 300 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là sỏi, vụn san hô, vụn sò, bao bì

ni-lông, rong rêu, ngư lưới cụ hư hỏng, đá, gạch vỡ, mảnh gỗ vụn, xà bàn, sắt thép vụn,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng khoảng 10 kg/tháng chủ yếu từ hoạt động bảo trì máy móc và thiết bị hư hỏng như: Bao bì cứng thải, bóng đèn thải, giẻ lau, pin chì thải,...

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng khoảng 15 kg/ngày, thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, hộp xốp, bao bì ni-lông,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

Chủ dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu, thu gom, xử lý nước thải phát sinh giai đoạn thi công xây dựng chủ yếu như sau:

- Nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu bãi tạm thi công để thu gom nước thải sinh hoạt của công nhân. Khi đầy, hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.

- Nước thải từ bãi tạm thi công: Bố trí bờ bao xung quanh, bờ bao cao 03 m và gia cố bờ bao bằng các bao cát nhằm tránh tình trạng cát chảy tràn ra môi trường xung quanh. Đồng thời, bố trí rãnh thu gom nước rò rỉ để đưa ra bể lắng sơ bộ. Bể lắng sơ bộ với kích thước (dài x rộng x cao = 07 m x 03 m x 02 m) để lắng cặn. Nước sau khi xử lý đạt cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1$, QCVN 40: 2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, sau đó thoát ra biển. Phần cặn lắng trong bể sau khi đầy hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Chủ dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành chủ yếu như sau:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Tại khu vực công trường: Khu vực kho chứa vật liệu thi công được che chắn bằng tường tạm, đặt cuối hướng gió; tưới nước thường xuyên tại các khu vực phát sinh nhiều bụi như bãi tập kết nguyên vật liệu, đường vào khu vực thi công,...., tần suất tối thiểu là 02 lần mỗi ngày (hoặc tăng tần suất tưới khi cần thiết); các bãi vật liệu được che chắn bằng vải bạt hoặc vải dứa khi chưa sử dụng; thường xuyên dọn dẹp đất, cát ở khu vực lòng đường để tránh phương tiện giao thông gây ra bụi,...

+ Trên đường vận chuyển nguyên vật liệu, vật chất nạo vét: Khi vận

chuyển nguyên vật liệu thi công, vật chất nạo vét phải có vải bạt che phủ, vận chuyển đúng tải trọng cho phép của xe; rửa xe khi cần thiết để đảm bảo lượng bụi cuốn theo các phương tiện vận chuyển thấp nhất; vệ sinh thiết bị sau mỗi ngày làm việc; thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ,...

+ Từ hoạt động nạo vét: Sử dụng đúng công nghệ thi công nạo vét được cơ quan có chức năng thẩm định; phân bố luồng tàu ra vào công trường phù hợp, tránh ùn tắc gây ô nhiễm bụi; sử dụng các loại nhiên liệu đốt có hàm lượng lưu huỳnh thấp,...

- Giai đoạn vận hành:

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình quản lý, vận hành các bãi tập kết vật chất sau nạo vét như:

+ Trồng cây rau muống biển với khoảng cách 0,5 m/bụi. Lượng rau muống biển được tận dụng từ các khu vực san lấp vùng trũng thuộc xã Ngũ Phụng và xã Tam Thanh nhằm tạo màn chắn, không để vật chất nạo vét khuếch tán nhiều ra xung quanh cũng như tạo cảnh quan cho khu vực.

+ Rào, dựng lưới che chắn xung quanh các bãi tập kết bằng lưới chắn cát bay trong khi chờ cây rau muống biển trên mặt bãi phát triển (sử dụng tấm lưới chắn cao 5 m, rào bằng các cọc tre lớn, khoảng cách giữa các cọc khoảng 10 m).

+ Phạm vi bãi tập kết tiếp giáp khu dân cư thôn Tân Hải, xã Long Hải bố trí thêm hàng rào che chắn bằng tôn, được cố định bằng các khối đá xây dựng.

+ Bố trí nhân sự để bảo vệ vật liệu chất nạo vét, đặc biệt vào thời điểm ban đêm.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn từ hoạt động nạo vét trong giai đoạn thi công xây dựng: Bố trí hệ thống lược rác trên sà lan, trong đó các chất nạo vét như: Sỏi, vụn san hô, vụn sò, vụn đá,... qua hệ thống lược rác, xuống sà lan; các loại có kích thước lớn như bao bì ni-lông, rong rêu, ngư lưới cụ hư hỏng,... được giữ lại trên bề mặt hệ thống lược rác, sau đó tập kết tại bãi tạm thi công và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn từ quá trình thi công kè: Thực hiện quản lý, thu gom hàng ngày, được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.4. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trong giai đoạn thi công xây dựng, Chủ dự án thực hiện quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Trong đó, thu gom, phân loại, dán mã số, bố trí kho lưu giữ tạm thời (diện tích kho là 7,0 m², nằm trong khu vực bãi tạm thi công), hồ thu gom nước mưa, bình chữa cháy,... đảm bảo an toàn về các yêu cầu kỹ thuật; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác:

Thực hiện thu gom, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt trong các thùng rác có nắp đậy, dung tích 150 lít và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

Thực hiện biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công xây dựng như: Thiết lập lịch trình hoạt động hợp lý của các thiết bị gây ra tiếng ồn; sử dụng máy móc và thiết bị thi công mới; thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện thi công,...

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu trong quá trình thi công xây dựng như: Xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó sự cố tràn dầu; trang bị các thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu; phân luồng giao thông trên biển đặc biệt tại khu vực nạo vét, khu vực tàu thuyền qua lại,...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Bể lắng sơ bộ để thu gom, xử lý nước thải tại bãi tạm thi công.
- Kho chứa chất thải nguy hại, chất thải rắn từ hoạt động nạo vét, chất thải rắn thông thường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

a) Giám sát chất lượng không khí xung quanh:

- Vị trí giám sát:
 - + 02 điểm tại các bãi tập kết vật chất nạo vét.
 - + 01 điểm tại tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu (đoạn đường 27 tháng 4 song song với bờ kè biển Phú Quý).
- Thông số giám sát: Bụi tổng, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) Giám sát chất lượng nước:

❖ Giám sát nước biển

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại khu vực nạo vét.

+ 01 điểm tại khu vực thi công kè chống sạt lở.

- Thông số giám sát: pH, TSS, DO, amoni, phosphat, sắt, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Tần số giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 10-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển nước biển (vùng biển ven bờ).

❖ Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại bể lắng sơ bộ thu gom nước thải tại bãi tạm thi công.

- Thông số giám sát: TSS, BOD₅, COD, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

c) Giám sát chất thải rắn: Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải rắn từ hoạt động nạo vét và thi công kè tại dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

d) Giám sát khác: Thường xuyên giám sát xâm thực, sạt lở; giám sát an toàn lao động.

5.2. Giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường; ngoài ra, dự án chỉ phát sinh chất thải trong giai đoạn thi công nạo vét, thi công xây dựng kè nên giai đoạn vận hành thử nghiệm không có.

5.3. Giám sát giai đoạn vận hành thương mại: Thường xuyên giám sát xâm thực, xói mòn, sạt lở.

5.4. Thực hiện quản lý, báo cáo định kỳ:

- Chủ dự án tổ chức thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý kết quả giám sát, hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

- Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định; lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình triển khai dự án.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông trong khu vực cho cán bộ, công nhân, người dân tại dự án.

- Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý./.